

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09-4-2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn L1.

2. Ông Nguyễn Văn Th.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh D – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã K.

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 12/2025/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Hoài T, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp R, xã T, huyện V, tỉnh LA.

Bị đơn: ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh LA.

Bà T1 vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ông T1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời trình bày trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Hoài T trình bày:

Ngày 28/11/2012, bà Nguyễn Hoài T và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn. Nay bà T1 nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai bên đã ly thân hơn 03 năm nên khởi kiện yêu cầu:

Về hôn nhân: bà T1 yêu cầu ly hôn với ông T1.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thanh B, sinh ngày 15/10/2013, hiện đang sống với ông T1. Khi ly hôn bà T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà T1 không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong phiên hòa giải ngày 25/02/2025, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 bỏ về, không nêu ý kiến.

Bà T1 trình bày việc ông T1 không đồng ý tham gia tố tụng. Bà T1 có đơn xin không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, bà T1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà T1 đồng ý công khai bản án trên cổng thông tin điện tử Tòa án.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông T1 không đến Tòa án, không có thể hiện ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “ly hôn, nuôi con chung”. Ông Nguyễn Văn T1 cư trú tại ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh LA. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thị xã K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt bà Nguyễn Hoài T và ông Nguyễn Văn T1: bà Nguyễn Hoài T vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, ông T vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bà T và ông T.

[3]. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Hoài T và ông Nguyễn Văn T1 xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hoài T:

[4.1]. Về yêu cầu ly hôn: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Văn T1 không đến Tòa án mà không có lý do, thể hiện ý chí ông T1 không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Bà Nguyễn Hoài T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do hay bất đồng quan điểm, cãi vã dẫn đến mâu thuẫn không giải quyết được, hai bên đã ly thân hơn 03 năm. Mâu thuẫn xảy ra thời gian dài,

hai bên không giải quyết được. Điều này thể hiện mâu thuẫn giữa bà T và ông T là có thật và trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T.

[4.2]. Về con chung: có một con chung tên Nguyễn Thanh B, sinh ngày 15/10/2013, hiện đang sống với ông T. Con chung có nguyện vọng sống với bà T. Ông Nguyễn Văn T1 không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà T1.

[4.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Hoài T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4.4]. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Hoài T trình bày không yêu cầu giải quyết, ông T không có ý kiến nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến bà T về việc không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

[4.5]. Về nợ chung: Bà Nguyễn Hoài T trình bày không có, ông T không có ý kiến, cũng không có ai yêu cầu về nợ chung nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến bà T về việc không có nợ chung.

[5]. Về án phí: Bà Nguyễn Hoài T phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Hoài T đối với ông Nguyễn Văn T1.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Hoài T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Hoài T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thanh B, sinh ngày 15/10/2013, hiện đang sống với ông T. Ông T có nghĩa vụ giao con chung cho bà T.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng

nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

5. Về tài sản chung: Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Nguyễn Hoài T về việc không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

6. Về nợ chung: Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Nguyễn Hoài T về việc không có nợ chung.

7. Về án phí: Bà Nguyễn Hoài T phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0002807 ngày 12 tháng 02 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K sang thi hành án phí, bà T đã nộp đủ án phí.

8. Bà Nguyễn Hoài T và ông Nguyễn Văn T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LA;
- VKSND tỉnh LA;
- VKSND thị xã K;
- CC.THADS thị xã K;
- UBND xã T, huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh L